| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HUẾ**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 792/2022/QĐST-HNGĐ | *Thành phố Huế, ngày 16 tháng 12 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 894/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Trần Võ Thái S. Sinh năm 1991.

Địa chỉ: P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Lương Thị B. Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Võ Thái S và chị Lương Thị B có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào ngày 06/6/2019, nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, khoảng tháng 01/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, nên anh S và chị B yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Võ Thái S và chị Lương Thị B xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 23/9/2017. Anh S và chị B thỏa thuận giao con chung cháu Trần Khánh L cho chị B nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trần Võ Thái S cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Trần Khánh L mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu Trần Khánh L đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung: Anh Trần Võ Thái S và chị Lương Thị B xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Trần Võ Thái S và chị Lương Thị B xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Toà án: Anh Trần Võ Thái S và chị Lương Thị B mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh S và chị B đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005330 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên anh S và chị B không phải nộp tiếp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Võ Thái S và chị Lương Thị B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Trần Võ Thái S và chị Lương Thị B xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 23/9/2017. Anh S và chị B thỏa thuận giao con chung cháu Trần Khánh L cho chị B nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trần Võ Thái S cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Trần Khánh L mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu Trần Khánh L đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Võ Thái S không thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Trần Võ Thái S và chị Lương Thị B xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Trần Võ Thái S và chị Lương Thị B xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Võ Thái S và chị Lương Thị B mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh S và chị B đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005330 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên anh S và chị B không phải nộp tiếp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP H;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND xã X,
huyện X, tỉnh Đồng Nai;
(ĐKKH số 90 ngày 06/6/2019);
- Lưu HCTP;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Trần Dũng**